

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **88/2024/HSST**
Ngày 23/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà*: Ông Nguyễn Duy Trí
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Đình Hoàn và bà Nguyễn Thị Trang;
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Thủy;
- Đại diện Viện kiểm sát gia phiên toà: Bà Hoàng Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 76/2024/HSST ngày 03/7/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2024/HSST-QĐ, ngày 09/7/2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Đức T**, sinh năm: 1996; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; HKTT và chỗ ở: Thôn G, xã N, huyện T, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo, đảng phái: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1970 và con bà Phạm Bích N, sinh năm: 1975; vợ, con: Chưa.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 620/2013/HSPT ngày 20/8/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố H xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Trộm cắp tài sản*” (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/4/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện T, thành phố H. (có mặt).

2. Họ và tên: **Phạm Trung N**, sinh năm: 2004; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; HKTT và chỗ ở: Thôn G, xã N, huyện T, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo, đảng phái: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Văn T, sinh năm: 1978 và con bà Tạ Thị M, sinh năm: 1980; vợ, con: Chưa.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/4/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện T, thành phố H. (có mặt).

3. Họ và tên: **Tạ Văn T**, sinh năm: 1997; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; HKTT và chỗ ở: Thôn L, xã N, huyện T, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo, đảng phái: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Tạ Văn T, sinh năm: 1973 và con bà Lê Thị C, sinh năm: 1974; vợ, con: Chưa.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/4/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện T, thành phố H. (có mặt).

** Người bị hại:*

1. Thôn P, xã T Lợi, huyện T, thành phố H. Người đại diện là ông Đào Quang H, sinh năm 1957 – Là người trông giữ Đình thôn P, (vắng mặt);

2. Thôn Đ, xã T Lợi, huyện T, thành phố H. Người đại diện là ông Lê Đức C, sinh năm 1952 – Là người trông giữ Đình thôn Đ, (vắng mặt);

3. Thôn Thượng Hiền, xã H, huyện T, thành phố H. Người đại diện là ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1956 – Là Phó ban quản lý Đình thôn H, (vắng mặt);

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Phạm Bích N, sinh năm 1975, trú tại: Thôn G, xã N, huyện T, thành phố H. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 04/04/2024, Phạm Trung N, sinh năm 2004, HKTT: Thôn G, xã N, huyện T, thành phố H, gọi điện thoại cho Nguyễn Đức T, sinh năm 1996, ở cùng thôn với N, nói đang ở cùng với Tạ Văn T, sinh năm: 1997; HKTT: Thôn Lộc D, xã N, huyện T, thành phố H và rủ T đi ăn trộm xe đạp ở trong trường cấp 1, xã N nhưng T không đi nên N và T cũng không đi.

Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 05/4/2024, T gọi điện thoại rủ N và T đi trộm cắp tài sản (tiền công đức) thì N đồng ý còn T không đi. T mang theo một chiếc móc treo quần áo bằng kim loại rồi điều khiển xe đạp màu xám đen đến khu vui chơi ở thôn Gia T đón N với mục đích đi lang thang xem có ngôi Đình nào sơ hở thì vào trộm. Đến khoảng gần 04 giờ 00 cùng ngày, Thắng và N đi đến Đình thôn P, xã T, huyện T, thành phố H. Sau khi để xe đạp ở gốc cây đa trước cửa Đình, Thắng và N trèo tường vào bên trong, N đứng ở khu vực hè cảnh giới, còn T dùng chiếc móc treo quần áo mang theo cây mở cửa, sau đó T và N đi vào bên trong. Do không mở được khoá cửa hòm công

đức nên N đã bê hòm công đức lên để Thắng dùng móc quần áo bằng nhôm (vừa dùng để cạy cửa) móc tiền ra từ khe hòm. Sau khi lấy được tiền, Thắng cho vào trong 01 túi nilong màu xanh lấy được trong Đình và đưa cho N mang ra ngoài. Thắng đi ra đằng sau, cởi áo dài tay của Thắng để lau vết chân ở hè và bậc hè. Sau đó, Thắng chở N đến khu vực cánh đồng thuộc xóm Bến, xã N, huyện T, thành phố H và gọi điện cho T ra để cùng chia tiền. Tại đây, T, N và T kiểm đếm được tổng số tiền **4.500.000** đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng), T chia cho N 2.000.000 đồng và cho T 200.000 đồng, số tiền còn lại 2.300.000 đồng thì T giữ rồi tất cả đi về nhà. Số tiền trộm cắp được T đã tiêu xài cá nhân còn lại 1.580.000 đồng, N và T chưa sử dụng đến.

Ngày 05/4/2024, ông Đào Quang H, sinh năm: 1957, HKTT: Thôn P, xã T Lợi, huyện T, thành phố H là (cụ Từ) đại diện Đình làng thôn P, xã T Lợi có đơn trình báo đến Công an xã T Lợi.

Ngày 06/4/2024, Nguyễn Đức T, Phạm Trung N, Tạ Văn T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T bắt khẩn cấp về hành vi trộm cắp tài sản.

Vật chứng thu giữ:

Nguyễn Đức T tự nguyện giao nộp: 1.580.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI Loại Note 12 Turbo màu đen; Phạm Trung N tự nguyện giao nộp: 2.980.000 đồng và 01 điện thoại Samsung A20S màu xanh - đen; Tạ Văn T tự nguyện giao nộp số tiền 200.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S màu vàng hồng. Thu tại đình làng thôn P, xã T Lợi: 01 đoạn dây kim loại dài 1,12m làm bằng nhôm là dụng cụ mà T và N dùng để mở cửa khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; 01 USB màu đen có chữ Lexar, bên trong có chứa hình ảnh 02 nam thanh niên đi xe đạp có biểu hiện nghi vấn gần đình thôn P, xã T Lợi được trích xuất từ camera an ninh tại thôn P, xã T Lợi.

Ngày 06/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà của Nguyễn Đức T, Phạm Trung N và Tạ Văn T. Quá trình khám xét tại nhà Phạm Trung N và Tạ Văn T toàn không thu giữ gì; tại nhà Nguyễn Đức T ở thôn G, xã N, huyện T, thành phố H đã thu giữ:

* Trong phòng ngủ của T: 01 túi nilong màu xanh bên trong có 436.000 đồng gồm: 184 tờ tiền có mệnh giá 1000 đồng; 126 tờ tiền mệnh giá 2000 đồng (thu giữ tại vị trí ngăn kéo trên bên trái kệ ti vi). Số tiền này qua điều tra xác định là tiền bị cáo T trộm cắp được vào các ngày 12/3/2024; 24/3/2024 và 5/4/2024 chưa tiêu dùng hết để tại nhà; 01 túi xách màu nâu kích thước (29x24)cm, bên trong túi xách có: 02 kim, 01 dao gọt hoa quả màu vàng dài 21cm; 02 tô vít kích thước 14cm và 12cm; 01 thanh kim loại dài 18,5cm; 01 thanh kim loại đầu bị cong kích thước 19cm; 01 thanh kim loại một đầu cong một đầu dán băng dính đen dài 24cm; 02 thanh kim loại được quấn với nhau bằng băng dính đen một thanh kim loại thẳng dài 18cm; 01 thanh kim loại có đầu cong dài 19cm (thu giữ tại vị trí bên trái mặt kệ ti vi); 02 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh

giá 1.000 đồng (thu giữ tại đầu giường giáp với cửa sổ). Quá trình điều tra xác định là tiền do T trộm cắp mà có nhưng chưa tiêu dùng hết và 02 cửa sắt có kích thước 30cm (thu giữ trên kệ để đồ).

* Tại mặt sàn sân thượng: 01 túi kích thước (19,5x5,5x4,5)cm bên trong gồm: 02 thanh kim loại dài 14cm; 06 thanh kim loại có tay cầm bằng nhựa dài 13,5cm; 14 thanh kim loại dài 12cm; 02 nhíp kim loại dài 7,5cm; 02 thanh kim loại có 01 đầu cong dài 8,5cm; 04 thanh kim loại hình chữ Z dài lần lượt 7,5cm, 7cm, 6,5cm, 9,5cm; 01 túi (loại đựng kính) màu đen kích thước (17x6,5x2,5)cm bên trong gồm: 03 thanh kim loại phần tay cầm hình dạng chìa khóa có kích thước lần lượt là 9,5cm, 10cm, 11cm; 04 thanh kim loại có tay cầm bằng gỗ có chiều dài lần lượt là 8cm, 9,5cm, 10cm, 10cm; 01 thanh kim loại có một đầu cong, phần giữa bọc băng dính đen dài 10,5cm; 01 thanh kim loại hình chữ Z dài 8,5cm; 01 thanh kim loại phần tay cầm được dán băng dính đen dài 13cm; 01 thanh kim loại dài 11,5cm.

* Trong sân nhà T: 01 xe đạp màu xám đen.

Quá trình điều tra Nguyễn Đức T, Phạm Trung N và Tạ Văn T đều khai nhận ngoài lần trộm cắp tài sản trên còn cùng nhau thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 24/03/2024, Nguyễn Đức T gọi điện rủ Phạm Trung N và Tạ Văn T đi trộm tiền công đức tại Đình thôn Đ, xã T Lợi, huyện T, thành phố H, N và T đồng ý. T mang theo một chiếc móc treo quần áo bằng kim loại rồi điều khiển xe đạp chở N và T đi đến Đình thôn Đ, xã T Lợi, huyện T, TP. H. Khi đến nơi, Toàn được phân công đứng ở ngoài cánh giới còn T và N đi vào bên trong Đình. N kéo cửa để tạo khe hở còn T dùng chiếc móc treo quần áo bằng nhôm kéo then cửa bên trong. Sau khi mở được cửa, N cùng T vào trong Đình, T dùng tay phải để cạy cửa hòm công đức bằng nhôm kính ra và dùng tay bốc tiền cho vào túi nilong màu đỏ lấy được trong Đình. N cho túi nilong đựng tiền vào bên trong người rồi đi ra ngoài còn T ở lại lấy khăn lau xóa dấu vết trên hòm công đức và các vị trí xung quanh. Sau khi lấy trộm được tiền, T, N và Toàn ra khu cánh đồng gần khu công nghiệp Q để kiểm đếm số tiền trộm cắp được là **8.000.000** đồng (tám triệu đồng). T xếp tiền các mệnh giá cùng một loại vào với nhau và chia theo vòng từng mệnh giá, thống nhất T và N mỗi người được 3.000.000 đồng, còn T được 2.000.000 đồng. Số tiền này T, N, T đã sử dụng để tiêu xài cá nhân.

Ngày 05/4/2024, ông Lê Đức C, sinh năm 1952, HKTT: Thôn Đ, xã T Lợi, huyện T, thành phố H là (cụ Từ) đại diện Đình làng thôn Đ, xã T Lợi có đơn trình báo Công an xã T Lợi.

Vụ thứ hai: Khoảng 23 giờ ngày 11/3/2024, Phạm Trung N và Tạ Văn T đang chơi điện tử ở Cầu Dừa thì Nguyễn Đức T có gọi điện rủ N và Toàn đi trộm cắp tài sản. T, N đồng ý và hẹn nhau khoảng 02 giờ ngày 12/3/2024 thì đi trộm ở Đình làng

H, huyện T, thành phố Hà Nội. Đến 02 giờ ngày 12/3/2024, T đi xe đạp một mình ra chỗ hẹn gặp T và N. T để xe ở bãi để xe trước cửa Đình, cùng T và N đi quanh khu vực Đình H thì phát hiện có cầu dao điện ở phía sau Đình nên T cùng T và N kê bàn để đập cầu giao điện nhằm ngắt Camera giám sát. Sau đó, T cùng T và N đi về phía trước, lúc này T phân công T ngồi ngoài canh giới, còn T lấy móc khóa đã chuẩn bị từ trước mở khóa cửa và cùng N đi vào bên trong Đình. Thắng, N phát hiện có 01 hòm công đức ở khu vực gần ban Tam bảo. T dùng dụng cụ mở khóa mang theo mở khóa hòm nhưng không mở được, N dùng móc quần áo bằng nhôm chuẩn bị sẵn từ nhà dán băng dính hai mặt ở đầu và dùng điện thoại soi vào hòm công đức đựng tiền để lấy tiền ra khỏi hòm. Sau khi lấy được tiền thì T và N đi ra ngoài rồi đóng cửa lại như cũ và cả ba người đi ra khu chợ phía sau Đình kiểm đếm số tiền vừa trộm được là **1.500.000** đồng, T chia cho T 250.000 đồng, còn lại T và N mỗi người được 625.000 đồng. Số tiền này T, N, T đã sử dụng để tiêu xài cá nhân.

Ngày 25/5/2024 ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1956, HKTT: Thôn Thượng Hiền, xã H, huyện T, thành phố H, là phó Ban quản lý đình H có đơn trình báo Công an xã H.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Nguyễn Đức T tự nguyện giao nộp số tiền 3.700.000 đồng; gia đình Phạm Trung N tự nguyện giao nộp số tiền 2.650.000 đồng và gia đình Tạ Văn T tự nguyện giao nộp số tiền 2.250.000 đồng và tại phiên tòa đại diện gia đình bị cáo T xuất trình Biên lai nộp thêm số tiền 192.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự để khắc phục hậu quả.

Ông Đào Quang H; ông Lê Đức C; ông Nguyễn Thế T yêu cầu các đối tượng trộm cắp tài sản phải hoàn trả số tiền đã trộm cắp tại Đình.

Quá trình điều tra, Nguyễn Đức Thắng, Phạm Trung N và Tạ Văn Toàn đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Tại bản cáo trạng số 77/CT-VKSTT ngày 02/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo Nguyễn Đức T, Phạm Trung N và Tạ Văn T phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức T, Phạm Trung N và Tạ Văn T phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Đức T từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 06/4/2024;

Xử phạt: Phạm Trung N từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 06/4/2024;

Xử phạt: Tạ Văn T từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 06/4/2024.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình có khó khăn nên đề nghị miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo liên đới có nghĩa vụ bồi thường số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt là 14.000.000 đồng, cụ thể như sau: Trả Đình làng thôn P, xã T Lợi, huyện Thường Tín 4.500.000 đồng; trả Đình làng thôn Đ, xã T Lợi, huyện Thường Tín 8.000.000 đồng; trả Đình làng thôn H, thuộc xã H, huyện T 1.500.000 đồng. Ghi nhận số tiền các bị cáo và gia đình đã nộp khắc phục hậu quả 14.000.000 đồng để khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T xong.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Quá trình điều tra thu giữ của Nguyễn Đức T 01 điện thoại nhãn hiệu REDMI loại Note 12 Turbo màu đen dung lượng 256 GB đã qua sử dụng; Phạm Trung N 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung A20S màu Xanh – Đen và Tạ Văn T 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F1S màu vàng hồng. Xét thấy, các bị cáo đều sử dụng điện thoại nêu trên để liên lạc rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Được xác định là tang vật của vụ án và có giá trị sử dụng nên cần đề nghị tịch thu, phát mại để sung quy nhà nước.

Đối với số tài sản thu giữ tại nhà T gồm: 01 túi xách màu nâu kích thước (29x24)cm bên trong túi sách có 02 kìm, 01 dao gọt hoa quả màu vàng dài 21cm; 02 tô vít kích thước 14cm và 12cm; 01 thanh kim loại dài 18,5cm; 01 thanh kim loại đầu bị cong kích thước 19cm; 01 thanh kim loại một đầu cong một đầu dán băng dính đen dài 24cm, 02 thanh kim loại được quấn với nhau bằng băng dính đen một thanh kim loại thẳng dài 18cm, 01 thanh kim loại có đầu cong dài 19cm; 01 túi kích thước (19,5x5,5x4,5)cm bên trong gồm: 02 thanh kim loại dài 14cm, 06 thanh kim loại có tay cầm bằng nhựa dài 13,5cm; 14 thanh kim loại dài 12cm; 02 nhíp kim loại dài 7,5cm; 02 thanh kim loại có 01 đầu cong dài 8,5cm; 04 thanh kim loại hình chữ Z dài lần lượt 7,5cm, 7cm, 6,5cm, 9,5cm; 01 túi (loại đựng kính) màu đen kích thước (17x6,5x2,5)cm bên trong gồm: 03 thanh kim loại phần tay cầm hình dạng chìa khóa có kích thước lần lượt là 9,5cm, 10cm, 11cm; 04 thanh kim loại có tay cầm bằng gỗ có chiều dài lần lượt là 8cm, 9,5cm, 10cm, 10cm; 01 thanh kim loại có một đầu cong, phần giữa bọc băng dính đen dài 10,5cm; 01 thanh kim loại hình chữ Z dài 8,5cm; 01 thanh kim loại phần tay cầm được dán băng dính đen dài 13cm; 01 thanh kim loại dài 11,5cm; 02 cửa sắt có kích thước 30cm; 01 đoạn dây kim loại dài 1,12m bằng nhôm. Xét thấy, số đồ vật trên là của T và N đặt mua trên mạng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, là tang vật của vụ án, không có giá trị sử dụng nên cần đề nghị tịch thu để tiêu hủy.

Đối với 01 xe đạp màu xám đen, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu là bà Phạm Bích N (mẹ đẻ bị cáo T), khi bị cáo T lấy sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp bà Ngọc

không biết nên cần đề nghị trả lại cho bà N theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà N từ chối nhận lại chiếc xe trên. Do chiếc xe có giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu phát mại để sung quỹ nhà nước.

Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo không tham gia tranh luận mà chỉ đề nghị Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Đức T, Phạm Trung N, Tạ Văn T đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, lợi dụng các ngôi Đình trên địa bàn xã T Lợi, xã H, huyện T không có người trông nom vào ban đêm, cửa khóa dễ mở nên Nguyễn Đức T, Phạm Trung N, Tạ Văn T đã bàn bạc cùng nhau đi trộm cắp tiền công đức tại các Đình làng. Trong khoảng thời gian từ ngày 12/3/2024 đến ngày 05/4/2024, Nguyễn Đức T, Phạm Trung N và Tạ Văn T đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tiền công đức được tổng số tiền là **14.000.000** đồng, cụ thể như sau: Ngày 05/4/2024, Nguyễn Đức T và Phạm Trung N đã trộm cắp số tiền **4.500.000** đồng trong hòm công đức của Đình làng thôn P, xã T Lợi, huyện Thường Tín; ngày 24/3/2024, Nguyễn Đức T, Phạm Trung N, Tạ Văn T trộm cắp số tiền **8.000.000** đồng trong hòm công đức của Đình làng thôn Đ, xã T Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội và ngày 12/3/2024, Nguyễn Đức T, Phạm Trung N, Tạ Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền **1.500.000** đồng trong hòm công đức của Đình làng H, thuộc xã H, huyện T, thành phố H. Tổng số tiền mà Nguyễn Đức T được hưởng là **5.925.000** đồng, Phạm Trung N được hưởng là **5.625.000** đồng. Tạ Văn T được hưởng là **2.450.000** đồng.

Bản cáo trạng số 77/CT-VKSTT ngày 02/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo Nguyễn Đức T, Phạm Trung N và Tạ Văn T phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Mặc dù các bị cáo đều là người có sức khỏe nhưng có lối sống buông thả, lười lao động nên đã có hành vi lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong dư luận và bất bình trong quần chúng nhân dân. Hành vi phạm tội trộm cắp nhiều lần của các bị cáo tại hòm công đức của các đình làng nơi thờ tự tôn nghiêm (thuộc văn hóa làng, xã các địa phương) của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Đây là vụ án có đồng phạm (đồng phạm giản đơn). Do vậy, cần phải phân hoá hành vi phạm tội của các bị cáo thông qua vai trò, đặc điểm nhân thân để có cơ sở cá thể hoá mức hình phạt cho phù hợp theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Đối với Nguyễn Đức T cả 03 vụ trộm cắp đều là người khởi sự, rủ rê, lôi kéo và phân công cho N và T và là người hưởng lợi nhiều nhất 5.925.000 đồng; bản thân bị cáo năm 2013 bị Tòa án nhân dân Thành phố H xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Trộm cắp tài sản*” mặc dù đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó là bài học cho bản thân lại tiếp tục phạm tội cùng loại, cho thấy bị cáo là người có nhân thân xấu. Do vậy, vai trò trong vụ án của bị cáo là vai trò chính; đối với Phạm Trung N được hưởng là 5.625.000 đồng; Tạ Văn T được hưởng là 2.450.000 đồng, các bị cáo đều tham gia với vai trò thực hành, giúp sức nhưng khá tích cực nên vai trò của Phạm Trung N trong vụ án được xếp thứ hai, sau cùng là Tạ Văn T. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do các bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Từ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự (tù có thời hạn) cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian phù hợp với tính chất và hành vi của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị phạt một khoản tiền để sung quỹ nhà nước theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại: Các bị cáo và đại diện gia đình các bị cáo đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả số tiền đã chiếm đoạt của người bị hại tổng

số tiền 14.000.000 đồng. Trong đó bị cáo T nộp 5.920.000 đồng (tính cả số tiền 448.000 đồng thu tại phòng ngũ T); N nộp 5.630.000 đồng và T nộp 2.450.000 đồng), theo Ủy nhiệm chi ngày 19/7/2024 và Biên lai thu tiền số 0016361 ngày 9/7/2024. Tại phiên tòa không ai có ý kiến về mức nộp bồi thường và số tiền đã nộp để bồi thường. Hội đồng xét xử ghi nhận liên đới tự nguyện nộp tiền bồi thường khắc phục hậu quả của các bị cáo và gia đình cho người bị hại tổng số tiền là 14.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H. Cụ thể cần trả: Đình làng thôn P, xã T Lợi, huyện Thường Tín do ông Đào Quang H là người đại diện số tiền 4.500.000 đồng; trả Đình làng thôn Đ, xã T Lợi, huyện Thường Tín do ông Lê Đức C là đại diện số tiền 8.000.000 đồng và trả Đình làng thôn H, xã H, huyện T do ông Nguyễn Thế T là người đại diện 1.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ của Nguyễn Đức T 01 điện thoại nhãn hiệu REDMI loại Note 12 Turbo màu đen dung lượng 256 GB đã qua sử dụng; Phạm Trung N 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung A20S màu Xanh – Đen và Tạ Văn T 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F1S màu vàng hồng. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo đều sử dụng điện thoại để liên lạc rủ nhau đi trộm cắp tài sản, do vậy được xác định là tang vật của vụ án và có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, phát mại để sung quy nhà nước.

Đối với số tài sản thu giữ tại nhà T gồm: 01 túi xách màu nâu kích thước (29x24)cm bên trong túi sách có 02 kìm, 01 dao gọt hoa quả màu vàng dài 21cm; 02 tô vít kích thước 14cm và 12cm; 01 thanh kim loại dài 18,5cm; 01 thanh kim loại đầu bị cong kích thước 19cm; 01 thanh kim loại một đầu cong một đầu dán băng dính đen dài 24cm, 02 thanh kim loại được quấn với nhau bằng băng dính đen một thanh kim loại thẳng dài 18cm, 01 thanh kim loại có đầu cong dài 19cm; 01 túi kích thước (19,5x5,5x4,5)cm bên trong gồm: 02 thanh kim loại dài 14cm, 06 thanh kim loại có tay cầm bằng nhựa dài 13,5cm; 14 thanh kim loại dài 12cm; 02 nhíp kim loại dài 7,5cm; 02 thanh kim loại có 01 đầu cong dài 8,5cm; 04 thanh kim loại hình chữ Z dài lần lượt 7,5cm, 7cm, 6,5cm, 9,5cm; 01 túi (loại đựng kính) màu đen kích thước (17x6,5x2,5)cm bên trong gồm: 03 thanh kim loại phần tay cầm hình dạng chìa khóa có kích thước lần lượt là 9,5cm, 10cm, 11cm; 04 thanh kim loại có tay cầm bằng gỗ có chiều dài lần lượt là 8cm, 9,5cm, 10cm, 10cm; 01 thanh kim loại có một đầu cong, phần giữa bọc băng dính đen dài 10,5cm; 01 thanh kim loại hình chữ Z dài 8,5cm; 01 thanh kim loại phần tay cầm được dán băng dính đen dài 13cm; 01 thanh kim loại dài 11,5cm; 02 cửa sắt có kích thước 30cm; 01 đoạn dân kim loại dài 1,12m bằng nhôm. Hội đồng xét xử xét thấy số đồ vật trên là của T và N đặt mua trên mạng, cất giữ tại nhà T để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, được xác định là tang vật của vụ án và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy.

Đối với 01 xe đạp màu xám đen, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu là bà Phạm Bích N (mẹ đẻ bị cáo T) trú tại: Thôn G, xã N, huyện T, thành phố H, khi bị cáo T lấy sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp bà Ngọc không biết nên cần trả lại cho bà Ngọc

theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Ngọc cho rằng xe đạp trên gia đình không có nhu cầu sử dụng và từ chối nhận lại. Do chiếc xe đạp trên còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để phát mại sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức T, Phạm Trung N và Tạ Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự (đối với Nguyễn Đức T, Phạm Trung N và Tạ Văn T). Xử phạt:

-Nguyễn Đức T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày **06/4/2024**;

-Phạm Trung N 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày **06/4/2024**;

-Tạ Văn T 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày **06/4/2024**;

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc Nguyễn Đức T, Phạm Trung N và Tạ Văn T phải liên đới bồi thường trả cho những người bị hại tổng số tiền là **14.000.000** (*Mười bốn triệu*) đồng đã chiếm đoạt.

Ghi nhận sự tự nguyện liên đới nộp tiền bồi thường của các bị cáo và gia đình xong, trong đó: Bị cáo T nộp 5.920.000 đồng; bị cáo N nộp 5.630.000 đồng và bị cáo T nộp 2.450.000 đồng để bồi thường trả cho những bị hại tổng số tiền là 14.000.000 (*Mười bốn triệu*) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H. (*Theo Ủy nhiệm chi ngày 19/7/2024 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T và Biên lai thu tiền số 0016361 ngày 19/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T*). Cụ thể trả:

Trả Đình làng thôn P, xã T Lợi, huyện Thường Tín do ông Đào Quang H là người đại diện **4.500.000** (*Bốn triệu năm trăm ngàn*) đồng;

Trả Đình làng thôn Đ, xã T Lợi, huyện Thường Tín do ông Lê Đức C là đại diện **8.000.000** (*Tám triệu*) đồng;

Trả Đình làng thôn H, thuộc xã H, huyện T do ông Nguyễn Thế T là người đại diện **1.500.000** (*Một triệu năm trăm ngàn*) đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu phát mại để sung quy nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu REDMI loại Note 12 Turbo màu đen dung lượng 256 GB đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Đức T; 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung A20S màu Xanh – Đen của Phạm Trung N và 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F1S màu vàng hồng của Tạ Văn T và 01 xe đạp màu xám đen.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 túi xách màu nâu kích thước (29x24)cm bên trong túi sách có 02 kìm, 01 dao gọt hoa quả màu vàng dài 21cm; 02 tô vít kích thước 14cm và 12cm; 01 thanh kim loại dài 18,5cm; 01 thanh kim loại đầu bị cong kích thước 19cm; 01 thanh kim loại một đầu cong một đầu dán băng dính đen dài 24cm, 02 thanh kim loại được quấn với nhau bằng băng dính đen một thanh kim loại thẳng dài 18cm, 01 thanh kim loại có đầu cong dài 19cm; 01 túi kích thước (19,5x5,5x4,5)cm bên trong gồm: 02 thanh kim loại dài 14cm, 06 thanh kim loại có tay cầm bằng nhựa dài 13,5cm; 14 thanh kim loại dài 12cm; 02 nhíp kim loại dài 7,5cm; 02 thanh kim loại có 01 đầu cong dài 8,5cm; 04 thanh kim loại hình chữ Z dài lần lượt 7,5cm, 7cm, 6,5cm, 9,5cm; 01 túi (loại đựng kính) màu đen kích thước (17x6,5x2,5)cm bên trong gồm: 03 thanh kim loại phần tay cầm hình dạng chìa khóa có kích thước lần lượt là 9,5cm, 10cm, 11cm; 04 thanh kim loại có tay cầm bằng gỗ có chiều dài lần lượt là 8cm, 9,5cm, 10cm, 10cm; 01 thanh kim loại có một đầu cong, phần giữa bọc băng dính đen dài 10,5cm; 01 thanh kim loại hình chữ Z dài 8,5cm; 01 thanh kim loại phần tay cầm được dán băng dính đen dài 13cm; 01 thanh kim loại dài 11,5cm; 02 cửa sắt có kích thước 30cm; 01 đoạn dây kim loại dài 1,12m bằng nhôm.

(Đặc điểm và hiện trạng vật chứng thực hiện theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/7/2024 của Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc các bị cáo Nguyễn Đức T, Phạm Trung N và Tạ Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Áp dụng Điều 331, Điều 332 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND huyện T; VKS ND TP. H;
- Sở tư pháp thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công an huyện T;
- Bị cáo; người bị hại và Người liên quan;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Trí